

Số:508/BVPHCN-KHTH

Thừa Thiên Huế, ngày 9 tháng 7 năm 2019

V/v góp ý dự thảo Kế hoạch giám sát tình
tình triển khai thực hiện đề án trợ giúp NKT
tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2012 - 2020

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Công văn số 1434/SLĐT BXH-BTXH ngày 28/6/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc góp ý dự thảo Kế hoạch giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện đề án trợ giúp NKT tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2012 – 2020;

Thực hiện chỉ đạo của Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phối hợp phòng Nghiệp vụ Y góp ý Dự thảo Kế hoạch giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện đề án trợ giúp NKT tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2012 – 2020,

Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế xin góp một số ý kiến như sau:

1. Về đóng góp ý kiến

Đây là Kế hoạch thiết thực và ý nghĩa phù hợp với tình hình thực tế trong việc trợ giúp người cao tuổi và người khuyết tật của tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Báo cáo số liệu người khuyết tật

***Bảng số liệu thống kê về người khuyết tật
(Bao gồm cả khuyết tật là thương bệnh binh, nhiễm chất độc hóa học)***

Mã	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.1	Số lượng người khuyết tật tại thời điểm tháng 7/2019		
	<i>Chia theo dạng khuyết tật</i>		
1.1.1	Số người khuyết tật vận động	Người	8013
1.1.2	Số người khuyết tật nghe và nói	Người	2285
1.1.3	Số người khuyết tật nghe nhìn	Người	2100
1.1.4	Số người khuyết tật thần	Người	2263
1.1.5	Số người khuyết tật trí tuệ	Người	1565
1.1.6	Số người khuyết tật dạng khuyết tật khác	Người	3239

	<i>Chia theo mức độ khuyết tật</i>		
1.1.7	Người khuyết tật đặc biệt nặng	Người	2953
1.1.8	Người khuyết tật nặng	Người	12405
1.1.9	Người khuyết tật nhẹ	Người	1412
	<i>Chia theo nhóm đối tượng</i>		
1.1.10	Người khuyết tật <16 tuổi (trẻ em)	Người	1548
1.1.11	Số người khuyết tật có khả năng lao động	Người	
1.3	Số người khuyết tật được cấp chứng nhận khuyết tật đang triển khai tại địa phương tại thời điểm 7/2019.		
1.6	Các chương trình hỗ trợ người khuyết tật đang triển khai tại địa phương tại thời điểm 7/2019		
1.6.1	Chương trình dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật	Có/không	
1.6.2	Chương trình sàng lọc, can thiệp sớm khuyết tật	Có/không	
1.6.3	Chương trình CSSK-PHCN cho người khuyết tật	Có/không	
1.6.4	Chương trình giao thông tiếp cận	Có/không	
1.6.5	Chương trình tiếp cận CQ nhà nước, công trình xây dựng.	Có/không	
1.6.6	Chương trình trợ giúp pháp lý	Có/không	
1.6.7	Chương trình bảo trợ và trợ giúp xã hội	Có/không	
II	Chỉ tiêu theo lĩnh vực/ngành		
2.1	Tổng số người khuyết tật được học nghề giai đoạn 2012-2020 (cộng dồn)		
2.1.1	Tổng số người khuyết tật được học nghề giai đoạn 2012-2020 (cộng dồn)	Người	40
2.1.2	Tổng số người/lượt người khuyết tật được vay vốn giải quyết việc làm giai đoạn 2012-2020	Người	89
2.1.3	Tổng số người khuyết tật có việc làm giai đoạn 2012-2020 (cộng dồn)		
2.2	Y tế - chăm sóc sức khỏe ,PHCN		
2.2.1	Tổng số trẻ em sơ sinh đến 6 tuổi được khám sàng lọc khuyết tật giai đoạn 2012-2020 (cộng dồn)	Trẻ em	
2.2.2	Số trẻ em được can thiệp sớm khuyết tật bằng phương pháp y học giai đoạn 2012-2020 (cộng dồn)	Trẻ em	
2.2.3	Tổng số người khuyết tật được lập hồ sơ theo dõi hồ sơ theo dõi giai đoạn 2012-2020		
2.2.4	Tổng số người khuyết tật được cấp BHYT tại thời điểm tháng 7/2019	Người	
2.2.5	Tổng số trạm Y tế xã/phường	trạm	152
2.2.6	Tỷ lệ trạm y tế có phân công cán bộ y tế phụ trách công tác PHCN tại thời điểm 7/2019	Người	152

2.2.7	Tổng số lượt người khuyết tật được hướng dẫn PHCNĐVCD giai đoạn 2012-2020	Người	
2.2.8	Tổng số người khuyết tật được cung cấp dụng cụ hỗ trợ giai đoạn 2012-2020	Người	
2.3	Giáo dục – đào tạo		
2.3.1	Tổng số trẻ em khuyết tật (người dưới 16 tuổi) có khả năng độc lập tại thời điểm tháng 7/2019	Trẻ em	
2.3.2	Tỷ lệ trẻ em khuyết tật trong độ tuổi đi học phổ thông được đi học các cấp học phổ thông tại thời điểm 7/2019	%	48
2.3.2	Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có khả năng học tập được tham gia giáo dục dưới các hình thức khác nhau tại thời điểm tháng 7/2019	%	2
2.4	Tiếp cận nhà ở, trụ sở cơ quan nhà nước, công trình xây dựng (Ước tính)		
2.4.1	Tỷ lệ trụ sở cơ quan nhà nước đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	%	
2.4.2	Tỷ lệ công trình TĐTT đảm bảo tiếp cận	%	
2.4.3	Tỷ lệ công trình văn hóa đảm bảo tiếp cận	%	
2.4.4	Tỷ lệ công trình Y tế đảm bảo tiếp cận	%	
2.4.5	Tỷ lệ nhà ga, bến xe đảm bảo tiếp cận	%	
2.4.6	Tỷ lệ công trình dịch vụ (Bưu điện, ngân hàng, siêu thị) đảm bảo tiếp cận	%	
2.4.7	Tỷ lệ nhà chung cư đảm bảo tiếp cận		
2.5	Giao thông tiếp cận (ước tính)		
2.5.1	Tỷ lệ xe buýt đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	%	
2.5.2	Tỷ lệ nhà chờ bến xe, ga tàu đảm bảo tiếp cận	%	
2.5.3	Tỷ lệ công trình cảng hàng không đảm bảo tiếp cận	%	
2.5.4	Số người khuyết tật được cấp thẻ đi xe bus miễn phí	Người	30
2.5.5	Số người khuyết tật được giảm giá khi tham gia giao thông đường sắt	Người	30
2.5.6	Số người khuyết tật được giảm giá khi tham gia giao thông hàng không	Người	
2.6	Công nghệ thông tin – Truyền thông		
2.6.1	Số trang thông tin đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	Trang	
2.6.2	Số lần phát thanh chuyên mục người khuyết tật hàng tháng (bao gồm cả tiếp sóng TW)	Lần/tháng	
2.6.3	Số lần phát sóng truyền hình chuyên mục người khuyết tật hàng tháng (bao gồm cả tiếp sóng TW)	Lần/tháng	
2.6.4	Tổng số tin, bài đưa tin về đề án trên các tờ báo, tạp chí địa phương giai đoạn 2012-2020 (cộng dồn)		

Trên đây là tổng hợp một số ý kiến góp ý Dự thảo Kế hoạch giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện đề án trợ giúp NKT tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2012 – 2020. Kính trình Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế cho ý kiến chỉ đạo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- BGĐ BV;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Hiền